TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2021
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Xuân Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Thắng

Bà Lý Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thành N, sinh năm 1991 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số m khu phố k, phường m, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1990 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: B N. W Ave, A # H C IL S, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17/8/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Thành N trình bày:

Anh và chị Trần Thị Thanh T trước đây có quen biết nhau, trải qua quá trình tìm hiểu, yêu nhau và sau đó đăng ký kết hôn. Hai bên có làm đám hỏi và đám cưới tại Việt Nam. Sau khi kết hôn vài ngày thì chị T trở về Mỹ để làm việc và sinh sống, cùng lúc đó thì chị T tiến hành làm giấy tờ để hợp thức hóa việc đón anh sang Mỹ. Do thời gian xa cách quá lâu và không thể trở về Việt Nam do dịch bệnh nên anh và chị T xảy ra mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng dẫn đến

không thể hàn gắn. Do tình cảm hai bên không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 16/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Thanh Thủy trình bày:

Chị và anh Lê Thành N quen biết nhau, trải qua quá trình tìm hiểu, yêu nhau và sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 18/7/2018. Sau khi kết hôn thì chị trở về Mỹ để làm việc, sinh sống và tiến hành làm giấy tờ cũng như các thủ tục cần thiết để bảo lãnh anh N sang Mỹ. Do thời gian xa cách quá lâu nên anh chị không còn giữ được tình cảm ban đầu, mâu thuẫn phát sinh không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án chấp thuận đơn xin ly hôn của anh N để cả hai bắt đầu cuộc sống mới.

Về con chung, nợ chung, tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh Lê Thành N và chị Trần Thị Thanh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với anh N nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho anh Lê Thành N được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; anh N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Lê Thành N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Trần Thị Thanh T có quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ; anh Lê Thành N có quốc tịch Việt Nam, cư trú tại 18/338 khu phố K, phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Anh Lê Thành N và chị Trần Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thành N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh N và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 18/7/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thì chị T trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm thủ tục để anh N sang Hoa Kỳ định cư cùng chị. Do thời gian xa cách quá lâu, chị T không thể trở về Việt Nam do dịch bệnh, hai bên phát sinh mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nhưng không có cơ hội hàn gắn vì chị T sống ở Hoa Kỳ còn anh N sống ở Việt Nam. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh N khởi kiện xin ly hôn với chị T, chị T cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh N.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh N và chị T là có thật, thời gian anh chị chung sống như vợ chồng không có. Anh N sống ở Việt Nam, chị T sống ở Hoa Kỳ, việc sống tách biệt nhau khiến cho việc vun đắp tình cảm vợ chồng cũng như giải quyết mâu thuẫn gặp nhiều khó khăn, khoảng cách địa lý đã làm tình cảm hai bên không còn. Khi anh Nhân yêu cầu ly hôn thì chị T cũng đồng ý chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cho anh Lê Thành N được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Lê Thành N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản

5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273, khoản 1 và 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thành N.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thành N được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T.

2. Về án phí: Anh Lê Thành N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai số 0000013 ngày 27/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như anh N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Thành N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Chị Trần Thị Thanh T cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Xuân Long

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Xuân Long